

**DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

Học phần: **Quản trị chiến lược**

Ngành: Marketing

Lớp: 121MR1

Giờ thi: 13h30

Khóa: 08 (2012 - 2014)

Ngày thi: 15/04/2014

Thi lần: 1

Học kỳ: II

Năm học: 2013 - 2014

Phòng thi: B 2.1

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bảng số	Bảng chữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	121MR1171	Nguyễn Hòa An	22/04/1992	7		6		6.3		<i>Nguyễn Hòa An</i>	70	Bảng	
2	121MR1180	Nguyễn Quốc Duy	15/04/1987	7		6		6.3		<i>Nguyễn Quốc Duy</i>	70	Bảng	
3	121MR1181	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/01/1993	5		5		5.0		VĂN NG	70	Bảng	K4 nđ 300
4	121MR1182	Trần Thị Thu Hà	20/12/1993	7		5		5.7		<i>Trần Thị Thu Hà</i>	70	Bảng	
5	121MR1183	Phan Thanh Hải	24/10/1987	6		6		6.0		<i>Phan Thanh Hải</i>	60	Sản	
6	121MR1184	Võ Duy Hải	15/04/1994	4		6		5.3		<i>Võ Duy Hải</i>	60	Sản	
7	121MR1185	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	16/12/1990	7		7		7.0		<i>Hoàng Thị Ngọc Hạnh</i>	70	Bảng	
8	121MR1189	Phạm Văn Hoàng	25/01/1993	6		5		5.3		<i>Phạm Văn Hoàng</i>	50	Năm	
9	121MR1190	Nguyễn Thị Cẩm Hương	12/02/1993	6		6		6.0		<i>Nguyễn Thị Cẩm Hương</i>	60	Sản	
10	121MR1191	Đinh Thị Kim Hương	14/08/1992	5		6		5.7		VĂN NG			K3+K4
11	121MR1193	Trần Duy Khánh	02/07/1993	5		5		5.0		VĂN NG		KTUM	K3+K4 + TM
12	121MR1194	Nguyễn Thanh Kiệt	09/07/1994	6		5		5.3		<i>Nguyễn Thanh Kiệt</i>	60	Sản	K4 nđ 300
13	121MR1195	Trần Kim Lâ	10/08/1991	6		5		5.3		<i>Trần Kim Lâ</i>	70	Bảng	
14	121MR1199	Mai Thị Tiểu Mi	17/04/1994	6		5		5.3		<i>Mai Thị Tiểu Mi</i>	70	Bảng	
15	121MR1200	Đỗ Thị Ngộ	02/10/1994	6		6		6.0		<i>Đỗ Thị Ngộ</i>	70	Bảng	
16	121MR1201	Hoàng Thị Nguyên	04/06/1993	6		6		6.0		<i>Hoàng Thị Nguyên</i>	70	Bảng	K2
17	121MR1205	Trần Phúc	11/08/1994	6		6		6.0		<i>Trần Phúc</i>	6.0	Sản	
18	121MR1207	Lê Thị Hoài Phương	14/09/1994	6		6		6.0		VĂN NG			
19	121MR1208	Phạm Ngọc Sanh	25/05/1989	6		7		6.7		<i>Phạm Ngọc Sanh</i>	70	Bảng	
20	121MR1209	Nguyễn Ngọc Sơn	20/08/1994	5		5		5.0		<i>Nguyễn Ngọc Sơn</i>	6.0	Sản	KTUM (CK)
21	121MR1211	Mạc Thị Xuân Thắm	02/01/1994	6		5		5.3		<i>Mạc Thị Xuân Thắm</i>	70	Bảng	
22	121MR1214	Phan Thị Tiêm	12/04/1994	7		6		6.3		<i>Phan Thị Tiêm</i>	70	Bảng	
23	121MR1215	Cao Thị Trâm	20/07/1994	8		6		6.7		<i>Cao Thị Trâm</i>	70	Bảng	
24	121MR1216	Trần Ngọc Trân	24/10/1991	6		5		5.3		<i>Trần Ngọc Trân</i>	50	Năm	
25	121MR1217	Trần Thị Trang	09/04/1994	6		6		6.0		<i>Trần Thị Trang</i>	60	Sản	KTUM (CK)
26	121MR1220	Tô Hoàng Trục	11/04/1992	6		5		5.3		<i>Tô Hoàng Trục</i>	50	Năm	K4 nđ 300 (CK)

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bảng số	Bảng chữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
27	121MR1221	Nguyễn Văn Trùng	11/07/1990	6		6		6.0		<i>[Signature]</i>	7.0	Bảng	
28	121MR1222	Hoàng Ngọc Tú	13/12/1994	6		5		5.3		<i>[Signature]</i>	6.0	Sau	K3 nđ 600 CK
29	121MR1223	Nguyễn Thị Thu	28/02/1993	7		6		6.3		<i>[Signature]</i>	7.0	Bảng	
30	121MR1230	Trần Thị Huyền	10/09/1992	6		6		6.0		<i>[Signature]</i>	6.0	Sau	K4 nđ 1000 CK
31	121MR2284	Đinh Văn Nam	12/07/1994	6		6		6.0		<i>[Signature]</i>	6.0	Sau	

Tổng số: 31 thí sinh.

Tp.HCM, ngày tháng năm

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Như Quỳnh

- + Số thí sinh có mặt: 27..
- + Số thí sinh vắng mặt: 04..
- + Số bài thi: 27..
- + Số tờ giấy thi: 27..

Ghi chú:

- + Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
- + Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
- * Ngày giao - nhận:
- * Người giao (Ký, họ tên):
- * Người nhận (Ký, họ tên):



ThS Nguyễn Việt Dũng

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

[Signature]
Nguyễn Văn Nika

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi họ tên)

[Signature]
Trần Vănichi

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

[Signature]
Phạm Trần Đông

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi họ tên)